

Số: 151/2021/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 06 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Chị **Trần Thị Hồng Đ**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Quang H và chị Trần Thị Hồng Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Quang H và chị Trần Thị Hồng Đ có 03 con chung tên Nguyễn Quang M1, sinh ngày 19/5/2004, Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 27/10/2006 và Nguyễn Thành T2, sinh ngày 14/9/2015.

Giao 02 con chung tên Nguyễn Quang M1, sinh ngày 19/5/2004 và Nguyễn Thành T2, sinh ngày 14/9/2015 cho anh Nguyễn Quang H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Thị Phương V, sinh ngày 27/10/2006 cho chị Trần Thị Hồng Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Quang H và chị Trần Thị Hồng Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quang H, chị Trần Thị Hồng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quang H tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0017010 ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, còn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) hoàn trả cho anh H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T (Theo GCN KH số 94, ngày 05/11/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga